

Phụ lục III
KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN ĐẮK SONG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính								
				Thị trấn Đức An	Xã Nam Bình	Xã Thuận Hạnh	Xã Thuận Hà	Xã Đăk N'Drung	Xã Nam N'Jang	Xã Trường Xuân	Xã Đăk M'ôl	Xã Đăk Hòa
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(11)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	166,01	28,13	26,83	21,81	25,85	11,41	20,15	6,49	7,48	17,86
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN										
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>											
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	18,05	5,44	1,12	1,67	0,85	1,26	5,06	0,34	0,57	1,74
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	144,38	22,69	25,71	20,14	25,00	10,15	14,79	6,15	6,53	13,22
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN										
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN										
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	3,58						0,30		0,38	2,90
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>										
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN										
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN										
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN										
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN										
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		14,20			2,65				5,00	6,55	



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính								
				Thị trấn Đức An	Xã Nam Bình	Xã Thuận Hạng	Xã Thuận Hà	Xã Đắc N'Drung	Xã Nâm N'Jang	Xã Trường Xuân	Xã Đắc Mól	Xã Đắc Hòa
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OCT	0,26	0,07	0,15						0,04	
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp, sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK										
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK										
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD										

